TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2024
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

2. Bùi Thị Ngọc Thuỳ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Lê Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 19xx.

***** *Bị đơn:* Anh **Lê Sỹ C** - Sinh năm 1966.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn N, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt chị T, anh C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Lê Sỹ C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/11/2006 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Lê Sỹ C.

Chị và anh Lê Sỹ C có 04 con chung là Lê Thị Hồng N, sinh ngày 07/12/2004, Lê Thị Thu G, sinh ngày 10/3/2008, Lê Gia H1, sinh ngày 23/6/2017 và Lê Gia H2, sinh ngày 23/6/2017. Hiện nay con Lê Thị Hồng N đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi 03 con chung Lê Thị Thu G, Lê Gia H1, Lê Gia H2 và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị 1.500.000 đồng/03 con/01 tháng.

Chị và anh Lê Sỹ C có những tài sản chung gồm:

1. Thửa đất số 426, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn N, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, diện tích 350,2m^2. Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/1996 mang tên anh Lê Sỹ C. Trên đất có một ngôi nhà cấp bốn được xây dựng trước khi chị kết hôn với anh C và trong thời gian chung sống vợ chồng đã sửa chữa lát nền nhà, làm sân, bắn mái tôn, trị giá nhà đất là 500.000.000 đồng. Hiện nay anh C đang quản lý và sử dụng.

2. Thửa đất số 428 tờ bản đồ số 14, diện tích 453,2m^2, địa chỉ thôn Nam, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Thửa đất này chị và anh C mua của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị D năm 2005, hai bên có làm thủ tục viết tay nhưng chưa thông qua chính quyền địa phương và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có xây dựng nhà cấp bốn, lợp mái tôn, công trình phụ, hiện nay chị với các con đang ở và có điện thờ để chị làm nghề lễ, xem bói.

Chị và anh Lê Sỹ C có vay nợ Quỹ tín dụng nhân dân ĐP số tiền 490.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 10/10/2023, lãi xuất cho vay theo thỏa thuận là 10,22%/năm. Mục đích vay để phục vụ đời sống, mua vật liệu xây dựng sửa nhà ở tại thửa số 426. Hiện nay chị và anh C chưa trả được số tiền nợ gốc 490.000.000 đồng nhưng vẫn trả lãi hàng tháng cho Quỹ tín dụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2024, chị T thừa nhận thửa đất số 426 là tài sản riêng của anh Lê Sỹ C nên chị không yêu cầu chia thửa đất số 426, chị đề nghị chia thửa đất số 428 và số nợ chung 490.000.000 đồng. Ngày 02/4/2024, chị viết đơn xin rút toàn bộ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung.

** Tại Bản tự khai; Bị đơn - anh Lê Sỹ C trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/11/2006 tại UBND xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do từ tháng 02/2022 chị T được ăn lộc cụ tổ dòng tộc Lê Sỹ, vợ chồng tập trung làm việc tâm linh và lập điện thờ

tiếp các khách đến xem song chị T có quan hệ tình cảm với anh Đặng Ngọc T1 là con nhang dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị Nguyễn Thị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Anh và chị Nguyễn Thị T có 04 con chung Lê Thị Hồng N, sinh ngày 07/12/2004, Lê Thị Thu G, sinh ngày 10/3/2008, Lê Gia H1, sinh ngày 23/6/2017 và Lê Gia H2, sinh ngày 23/6/2017. Con Lê Thị Hồng N đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi hai con chung Lê Gia H2 và Lê Gia H1, chị T nuôi con Lê Thị Thu G. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Thửa đất số 426, tờ bản đồ số 14, địa chỉ tại thôn Nam, xã ĐP, huyện Đông Hưng, diện tích 350,2m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/11/1996 mang tên anh Lê Sỹ C, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 và một số công trình phụ trợ khác. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ cho anh trước khi kết hôn với chị T nên anh xác định đây là tài sản riêng của anh, không phải tài sản chung của vợ chồng, anh không đồng ý phân chia.

Thửa đất 428, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thôn N, xã ĐP, huyện Đông Hưng, diện tích 453,2m^2. Thửa đất này do anh bán đất vườn rồi mua của vợ chồng ông Nguyễn Hữu L và chị Nguyễn Thị D vào năm 2005. Khi đó hai bên có lập giấy viết tay với nhau và có thông qua chính quyền địa phương.

Anh và chị Nguyễn Thị T có vay nợ Quỹ tín dụng nhân dân ĐP số tiền là 490.000.000 đồng. Anh đề nghị anh và chị T có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng mỗi người một ½ khoản nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2024, anh không có ý kiến gì về việc chị Nguyễn Thị T rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

** Tại đơn đề nghị - Quỹ tín dụng nhân dân ĐP trình bày:* Ngày 10/10/2023, Quỹ tín dụng nhân dân ĐP có ký Hợp đồng tín dụng số 421/HĐTD với ông Lê Sỹ C và vợ là bà Nguyễn Thị T, đều có địa chỉ: Thôn N, xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vay số tiền 490.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất là 10,22%/năm. Mục đích để mua vật liệu xây dựng làm nhà ở. Tính đến ngày 03/01/2024, ông C, bà T còn nợ Quỹ tín dụng số tiền gốc 490.000.000 đồng và lãi trong hạn. Do thời hạn vay của ông C, bà T chưa đến hạn, đồng thời ông C, bà T vẫn thực hiện nghĩa vụ trả lãi trong hạn đầy đủ và không vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân ĐP không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay trên của ông C, bà T trong vụ án. Khi cần thiết, Quỹ tín dụng nhân dân ĐP sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

*** Ý kiến của các đương sự tại phiên toà:**

1. Chị Nguyễn Thị T trình bày: Đến nay chi xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Sỹ C. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi 02 con chung Lê Gia H1 và Lê Gia H2 để anh C nuôi con chung Lê Thị Thu G. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, chị vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung của vợ chồng.

2. Anh Lê Sỹ C trình bày: Bản thân anh mong muốn chị Nguyễn Thị T suy nghĩ lại rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý. Ly hôn, anh xin nuôi 2 con chung Lê Gia H1 và Lê Gia H2 để chị T nuôi con chung Lê Thị Thu G, trường hợp con Thu G có nguyện vọng ở với anh thì anh đề nghị được nuôi 3 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong cùng vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Sỹ C.

- Về quan hệ con chung:

+ Con Lê Thị Hồng N, sinh ngày 07/12/2004 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

+ Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Lê Gia H1, sinh ngày 23/6/2017 và Lê Gia H2, sinh ngày 23/6/2017. Giao cho anh Lê Sỹ C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Thị Thu G, sinh ngày 10/3/2008. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

- Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị T.

- Về án phí : Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng*:**

[1] Ngày 27/6/2023, chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn - anh Lê Sỹ C đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Đông Hưng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, chị Nguyễn Thị T đề nghị Toà án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Ngày 02/4/2024, chị T xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản và nợ của chị T.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Sỹ C kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã ĐP, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C nghi ngờ chị T không chung thuỷ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm xung khắc, không tìm được tiếng nói chung. Tháng 8/2022, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau, nay chị T xin ly hôn, anh C đồng ý thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, vì vậy áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Sỹ C là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Sỹ C có 04 con chung là cháu Lê Thị Hồng N, sinh ngày 07/12/2004, cháu Lê Thị Thu G, sinh ngày 10/3/2008, cháu Lê Gia H1, sinh ngày 23/6/2017 và Lê Gia H2, sinh ngày 23/6/2017. Ly hôn, cháu Lê Thị Hồng N đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng, chị T và anh C đều có nguyện vọng xin nuôi hai con chung Lê Gia H1 và Lê Gia H2. Tuy nhiên, xét thấy hiện nay cháu Lê Gia H1 và cháu Lê Gia H2 đang ở ổn định cùng chị T, các cháu còn nhỏ tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, cháu Lê Thị Thu G lớn hơn và có nguyện vọng được ở cùng với anh C, vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Lê Gia H1, Lê Gia H2 và giao cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Thị Thu G là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T rút yêu cầu đề nghị Toà án phân chia tài sản chung và nợ chung, anh Lê Sỹ C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, tại phiên toà anh C đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung trong cùng vụ án, tuy nhiên yêu cầu của anh C không phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật

Tố tụng dân sự nên không có căn cứ để xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Các đương sự có quyền đề nghị Toà án phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T đồng ý nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Sỹ C.

2. Về quan hệ con chung:

+ Con chung Lê Thị Hồng N, sinh ngày 07/12/2004 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

+ Xử giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung Lê Gia H1, sinh ngày 23/6/2017 và Lê Gia H2, sinh ngày 23/6/2017. Giao cho anh Lê Sỹ C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Thị Thu G, sinh ngày 10/3/2008. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung và nợ chung của chị Nguyễn Thị T.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Đối trừ số tiền 20.000.000 đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003015 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trả lại chị T số tiền 19.700.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị T, anh Lê Sỹ C. Chị T, anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND - VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Cục THADS huyện Đông Hưng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

Nguyễn Thị Phương Thảo